

Bản án số: **194/2024/DS-ST**

Ngày: 02 – 12 - 2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mịch

Ông Lê Văn Đạo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 233/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị Kim C**, sinh ngày: 20/7/1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 143A, ấp An Thới A, xã A, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn:**

1. **Lê Thị Kim P**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

2. **Lê Văn T**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà có cho vợ chồng bà Lê Thị Kim P, ông Lê Văn T vay rất nhiều lần, hai bên không có làm giấy tờ, bà chỉ ghi sổ theo dõi, lãi suất 6%/tháng. Thời gian đầu sau khi vay, vợ chồng bà P và ông T trả lãi đúng theo thỏa thuận nhưng sau đó thì ngưng không đóng. Do đó, ngày 18/10/2023 âm lịch các bên chốt nợ lại, vợ chồng bà P và ông T còn nợ bà số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), có làm giấy tay và bà P, ông T có ký tên, viết đầy đủ họ tên phía dưới giấy nợ, ông bà hứa 03 tháng trả 70.000.000 đồng, trả trong thời gian 12 tháng là dứt nợ nhưng vợ chồng bà P và ông T chỉ trả được cho bà số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại

950.000.000 đồng đến nay chưa trả vốn và lãi suất, nói bán đất trả nhưng không có thực hiện và đất đã thế chấp vay tiền Ngân hàng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền nợ vay 950.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/9/2024.

* Bị đơn bà đơn bà Lê Thị Kim P, ông Lê Văn T các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470, 288 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà P, ông T phải liên đới trả cho bà C số tiền nợ vay 950.000.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/9/2024 (Bút lục số 74). Bị đơn bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tại đơn xác nhận ngày 28/12/2023, biên bản xác minh ngày 12/9/2024 (Bút lục số 08, 83), công an xã Định Trung xác nhận bà P và ông T hiện nay vẫn còn đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T phải trả số tiền nợ vốn vay 950.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy tay ghi nợ ngày 18/10/2023 âm lịch (Bút lục số 49) do nguyên đơn bà C cung cấp, thể hiện số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết đầy đủ họ và tên của bà P và ông T phía dưới giấy tay. Bà C khai vợ chồng bà P, ông T đã trả được tiền vốn vay 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vay đến nay chưa trả là 950.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa bà C với bà P và ông T có quan hệ giao dịch vay tiền, bà C không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và được công nhận.

[2] Số tiền vay 950.000.000 đồng theo giấy tay ghi nợ đã quá thời hạn bị đơn không trả nợ và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án số tiền nợ vay này. Như vậy, bị đơn bà P và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà C khởi kiện yêu bà P và ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 950.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470, 288 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nguyên đơn bà C không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[4] Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bà P và ông T cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P và ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (Số 57, quyển số 02/2002, Bút lục số 84). Số tiền nợ vay của bà C được hình thành thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông T. Ông T có ký tên trong giấy tay nợ tiền vay ngày 18/10/2023 âm lịch (Bút lục số 49). Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P và ông T cùng liên đới trả tiền nợ vay là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P và ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay và lãi suất nêu trên cho nguyên đơn bà C là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà P và ông T phải liên đới chịu án phí là:

950.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 150.000.000 đồng = 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 470, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 92, 233, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C đòi bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T trả tiền nợ vay.

2. Buộc bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C số tiền nợ vay 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Kim P và ông Lê Văn T phải liên đới chịu 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001890 ngày 24/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương